TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V H** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ – ST.
Ngày: 14 tháng 3 năm 2018.
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V H, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Thái Bá Sinh.
2. Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc Xin ly hôn. Theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/ QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh T Q (tên gọi khác Đinh Thị H). Sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản C H, xã S K, huyện V H, tỉnh Sơn La.

Tạm trú: Bản P L, xã S B, huyện V H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cầm Văn T. Sinh năm 1981.

Địa chỉ: Bản C H, xã S K, huyện V H, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, chị Đinh Thị Q: Chị và anh Cầm Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S B, huyện V H, tỉnh Sơn La. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân, anh T thường xuyên sa đà, rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến gia đình. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng cuộc sống chung của vợ chồng không được cải thiện. Sau khi chấp hành án phạt tù về, anh T bỏ vào Tây Nguyên làm ăn và không quan tâm đến vợ con. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2012 đến nay, thỏa thuận mỗi người nuôi một con chung. Anh T bỏ con lại cho bố mẹ đẻ và vợ nuôi. Đầu năm 2017 anh T trở về, nhưng vẫn không hề đến hỏi thăm và quan tâm đến vợ con. Hiện cả chị và anh đều đã sống với người khác như vợ chồng. Thời gian xa nhau quá lâu, nên tình cảm đã thật sự không còn. Nay chị thấy vợ chồng khồng thể hàn gắn được nữa. Chị cho rằng, anh T không nhất trí ly hôn và muốn đoàn tụ với chị không phải vì còn tình cảm vợ chồng, mà chỉ muốn gây khó khăn và có động cơ trả thù chị. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải Q cho ly hôn anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị sinh được hai người con chung: Cháu Cầm Đinh Tuấn D, sinh ngày 13/10/2005 và cháu Cầm Văn DO, sinh ngày 19/3/2007. Hai vợ chồng chị đã tự thỏa thuận nếu ly hôn, chị được quyền nuôi cháu Cầm Đinh Tuấn D, anh T được quyền nuôi cháu Cầm Văn DO đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo bên kia.

Về tài sản chung và nợ chung: Mặc dù sống với nhau cũng khá lâu, nhưng vì một mình chị phải vất vả kiếm sống nuôi con, anh T sa đà cờ bạc, rượu chè, không quan tâm đến việc làm ăn, nên công việc làm nương của chị chỉ đủ chi trả tối thiểu cho sinh hoạt gia đình, không đầu tư vào công việc gì lớn, nên không có tài sản gì đáng giá, không vay nợ ai. Do vậy, không đề nghị HĐXX xem xét.

Cuối cùng, nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét cho chị được ly hôn anh Cầm Văn T, công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung.

- Ý kiến của bị đơn, anh Cầm Văn T trình bày: Anh và chị có nhiều quan điểm trái ngược về cuộc sống. Anh có sa đà bạn bè, cờ bạc và phải chấp hành án. Tuy nhiên, anh chưa hề đánh vợ con, muốn quay lại đoàn tụ. Anh cũng muốn đến nói

chuyện với vợ con, nhưng chưa có cơ hội. Nay xin HĐXX hòa giải cho được đoàn tụ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V H phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng trong thụ lý, giải Q vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, vợ chồng chị Đinh T Qvà anh Cầm Văn T ly thân đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đinh Thị Q, xử cho chị được ly hôn anh Cầm Văn T. Chấp nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung và giải Q phần án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh chị là tự nguyện, có đăng ký theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì bất đồng quan điểm, chồng hay sa đà không chịu làm ăn. Anh T cho rằng vẫn yêu vợ con, muốn quay lại đoàn tụ. Tuy nhiên, nhiều năm liền không quan tâm chăm sóc vợ con. Hai anh chị đều đã chung sống với người khác như vợ chồng, có con riêng. Chị Q cho rằng anh T muốn níu kéo để có động cơ trả thù và gây khó khăn cho chị là có căn cứ. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Q.

Việc anh Cầm Văn T và chị Đinh T Qsống chung như vợ chồng với người khác là vi phạm pháp luật, cần kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

[2] *Về con chung:* Tại phiên hòa giải trước khi mở phiên tòa, các đương sự đã tự thỏa thuận về việc nuôi con. Theo đó chị Đinh T Qđược quyền nuôi cháu Cầm Đinh Tuấn D, anh Cầm Văn T được quyền nuôi cháu Cầm Văn DO đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo bên kia. Đây là thỏa thuận thể hiện ý chí nguyện vọng của các đương sự, cũng như các cháu Cầm Đinh Tuấn D và Cầm Văn DO, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không đặt vấn đề giải Q.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn, chị Đinh T Qkhởi kiện phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147 BLTTDS, khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; khoản 1 điều 57; điều 58; khoản 1, 2 điều 81; khoản 1,3 điều 82; điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 25, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Định T Qđược ly hôn anh Cầm Văn T.

Kiến nghị UBND xã S B, UBND xã S K xác minh xử lý đối với chị Đinh T Qvà anh Cầm Văn T về hành vi sống như vợ chồng với người khác.

Về con chung: Công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: chị Đinh T Qđược quyền nuôi cháu Cầm Đinh Tuấn D, anh Cầm Văn T được quyền nuôi cháu Cầm Văn DO đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con theo bên kia, nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không giải Q.

Về án phí: Chị Đinh T Qchịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào dự phí xin ly hôn là 300.000 đồng đã nộp, tại biên lai thu tạm ứng án phí số 04344 ngày 23/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V H.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKS V H;
- THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - chủ tọa	Hội thẩm nhân dân
Thái Bá Sinh	**Nguyễn Đăng Quang**	**Trần Thị Thu Thủy**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải Q tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải Q tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải Q tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải Q tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải Q: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải Q được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải Q là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải Q trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải Q các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra Q định.

(28) Ghi các Q định của Tòa án về từng vấn đề phải giải Q trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có Q định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ Q định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, Q định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo Q định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, Q định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có Q định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: